

THÔNG BÁO

Về việc thu hồ sơ trực tuyến đối với một số phương thức xét tuyển năm 2025
tại Trường Đại học Đồng Tháp (ký hiệu SPD)

I. ĐĂNG KÝ NỘP HỒ SƠ TRỰC TUYẾN

1. Các phương thức xét tuyển sẽ thu hồ sơ trực tuyến

Trường Đại học Đồng Tháp (ĐHĐT) tổ chức thu hồ sơ trực tuyến đối với một số phương thức xét tuyển trên Cổng thông tin xét tuyển của Trường ĐHĐT tại địa chỉ: <https://xettuyen.dthu.edu.vn>. Căn cứ vào Thông tin tuyển sinh năm 2025, Trường ĐHĐT tổ chức thu hồ sơ trực tuyến với 04 phương thức, cụ thể:

STT	Ký hiệu phương thức	Tên phương thức
1	200	Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ)
2	301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT
3	416	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025
4	402	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM

2. Thời gian thu hồ sơ: Thí sinh đăng ký nộp hồ sơ tại địa chỉ <https://xettuyen.dthu.edu.vn> từ ngày **23/6/2025** đến hết ngày **28/7/2025**.

3. Cách thức đăng ký hồ sơ trực tuyến trên Cổng thông tin tuyển sinh xét tuyển của Trường ĐHĐT tại địa chỉ <https://xettuyen.dthu.edu.vn>

Bước 1: Đăng ký thông tin hồ sơ (để đăng ký tài khoản);

Bước 2: Đăng ký các nguyện vọng tại Trường ĐHĐT mà thí sinh dự kiến đăng ký trên Cổng tuyển sinh của Bộ GDĐT;

Bước 3: Khai báo dữ liệu tương ứng với phương thức xét tuyển;

Bước 4: Rà soát các thông tin đã nhập hồ sơ;

Bước 5: Hoàn tất đăng ký.

*(Thí sinh lưu ý: thông tin tài khoản được gửi qua **Email** khi hoàn tất đăng ký và dùng tài khoản để kiểm tra trạng thái hồ sơ (Chưa duyệt, Duyệt, Chờ bổ sung).*

4. Hồ sơ đăng ký phải nộp về Trường ĐHĐT

a) Thí sinh cần xem kỹ Hướng dẫn chi tiết cách thức đăng ký và gửi hồ sơ đăng ký về Trường ĐHĐT. Các hồ sơ bao gồm:

Nội dung	Ghi chú
01 Phiếu đăng ký xét tuyển, xuất ra khi đăng ký trên hệ thống https://xettuyen.dthu.edu.vn	In phiếu
01 Căn cước/Căn cước công dân	Chứng thực sao y
01 Học bạ THPT (bảo đảm đầy đủ trang bìa, trang thông tin, trang học lực, hạnh kiểm lớp 10, 11, 12) hoặc giấy xác nhận điểm học bạ của trường THPT	Chứng thực sao y
01 Giấy chứng nhận ưu tiên, giải thưởng, chứng chỉ để được cộng điểm (nếu có)	Chứng thực sao y
01 Bảng tốt nghiệp THPT	Chứng thực sao y

	(Có thể bổ sung sau)
01 Giấy chứng nhận kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM và/hoặc Giấy chứng nhận kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025 (nếu có)	Chứng thực sao y

Lưu ý:

- Học bạ được chứng thực sao y bởi các cơ quan có thẩm quyền hoặc Trường THPT thí sinh đang học.

- Giấy chứng nhận kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025 của Trường Đại học Đồng Tháp hoặc Cơ sở giáo dục khác tổ chức.

- Bổ sung giải thưởng, chứng chỉ để được cộng điểm

Giải thưởng/Chứng chỉ		Mức độ
1. Giải học sinh giỏi THPT và Khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia (đối với thí sinh không xét tuyển thẳng)		Nhất, Nhì, Ba
2. Giải học sinh giỏi THPT cấp Quốc gia (các môn thuộc tổ hợp tuyển)		Khuyến khích
3. Giải Khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia (các môn thuộc tổ hợp tuyển)		Giải tư
4. Giải học sinh giỏi THPT cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (các môn thuộc tổ hợp tuyển)		Nhất, Nhì, Ba
5. Giải Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (các môn thuộc tổ hợp tuyển)		Nhất, Nhì, Ba
6. Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á		Hoàn thành nhiệm vụ
7. Thí sinh đoạt huy chương các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm		Vàng, Bạc, Đồng
8. Thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao (TDTT) có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia		Kiến tướng
9. Thí sinh đoạt giải trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi		Nhất, Nhì, Ba
10. Thí sinh đoạt giải trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế		Nhất, Nhì, Ba
11. Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật; cuộc thi do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức		
Chứng chỉ/Văn bằng	Thang điểm	Điểm IELTS
TOEFL iBT	35 – 39	4,5
	40 – 45	5,0
	46 – 61	5,5
	62 – 77	6,0
	78 – 93	6,5
	≥ 94	7,0

Giải thưởng/Chứng chỉ		Mức độ
TOEFL ITP	466 – 482	4,5
	483 – 499	5,0
	≥ 500	5,5
VSTEP	B1	4,5
	B2	6,0

b) Hồ sơ nộp về Trường ĐHĐT, thông qua đơn vị tiếp nhận Phòng Bảo đảm chất lượng; địa chỉ: Số 783, Đường Phạm Hữu Lầu, Phường 6, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; điện thoại 02773882258:

- Nộp hồ sơ đăng ký trực tiếp tại Trường;
- Hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện về Trường.

5. Một số lưu ý khi đăng ký hồ sơ xét tuyển

a) Trong thời gian đăng ký thí sinh cần rà soát thật kỹ những thông tin khai báo trên hồ sơ đăng ký đối chiếu với các hồ sơ gửi về Trường ĐHĐT. Các hồ sơ gửi về Trường ĐHĐT cần bản Chứng thực sao y bởi các cơ quan có thẩm quyền hoặc Trường THPT thí sinh đang học.

b) Trong thời gian đăng ký trực tuyến, thí sinh đã nộp hồ sơ về Trường ĐHĐT, vẫn có quyền chỉnh sửa thông tin trên hồ sơ. Sau khi hồ sơ đăng ký chuyển qua **trạng thái Duyệt**, thí sinh sẽ không thể chỉnh sửa thông tin trên hồ sơ.

c) Trường ĐHĐT sẽ tiến hành rà soát hồ sơ đối với các thí sinh đã hoàn thành đủ 05 bước đăng ký tại điểm 3 mục này. Trong trường hợp thí sinh kê khai thông tin không đúng so với hồ sơ gửi về, Trường ĐHĐT sẽ có Email yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ tới các thí sinh đó trước ngày 28/7/2025. Các thí sinh được yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ cần tiến hành chỉnh sửa và bổ sung hồ sơ chậm nhất 23 giờ 59 phút ngày 28/7/2025.

d) Thí sinh chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp của những thông tin khai báo và hồ sơ gửi về Trường ĐHĐT. Nhà trường bảo lưu quyền hủy bỏ kết quả trúng tuyển đối với các thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhưng kê khai thông tin không đúng với hồ sơ thực tế.

II. TỔ CHỨC TUYỂN SINH

1. Đăng ký và xử lý nguyện vọng trên Hệ thống tuyển sinh Trường ĐHĐT

a) Đối với phương thức 301 - Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT

- Nhà trường tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố và đưa danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên hệ thống để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung, hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống.

- Thí sinh đã trúng tuyển vào Trường ĐHĐT theo kế hoạch xét tuyển thẳng thực hiện đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT để lựa chọn ngành đã trúng tuyển thẳng tại Trường ĐHĐT hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển khác.

- Thí sinh trúng tuyển thẳng xác nhận nhập học theo kế hoạch chung.
- Thời gian đăng ký hồ sơ: từ thông báo đến hết ngày 30/6/2025.

- Trước ngày 09/7/2025: công bố và đưa danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển lên hệ thống xét tuyển của Bộ GDĐT; đăng thông tin lên website Nhà trường và trên website <https://xettuyen.dthu.edu.vn>.

Lưu ý: Thí sinh trúng tuyển diện tuyển thẳng nếu có nguyện vọng học thì phải đăng ký nguyện vọng 1 với ngành trúng tuyển lên Hệ thống của Bộ GDĐT. Nếu đăng ký ngành trúng tuyển từ nguyện vọng 2 trở đi, kết quả xét tuyển sẽ lấy theo nguyện vọng cao nhất của thí sinh.

b) Đối với phương thức 200 - Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ); phương thức 416 - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025; phương thức 402- Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2025 của ĐHQG TP.HCM

- Bên cạnh việc đăng ký hồ sơ trên Cổng thông tin xét tuyển của Trường ĐHĐT và gửi hồ sơ đăng ký về Trường, thí sinh cần phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào Trường ĐHĐT trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT tại địa chỉ <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> trong đợt đăng ký chính thức từ ngày 16/7/2025 đến 17 giờ 00 ngày 28/7/2025.

- Trường ĐHĐT sử dụng dữ liệu thí sinh đã nộp và được Duyệt trên Cổng thông tin xét tuyển của Trường ĐHĐT và dữ liệu chung do Bộ GDĐT cung cấp để chạy xét tuyển, căn cứ theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Trường ĐHĐT và Thông tin tuyển sinh năm 2025 đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

- Trường ĐHĐT dự kiến công bố điểm chuẩn trúng tuyển của các ngành vào ngày 22/8/2025 theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT cùng với các cơ sở giáo dục đại học trên cả nước.

2. Đăng ký và xử lý nguyện vọng trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GDĐT

a) Tất cả thí sinh (bao gồm cả thí sinh được xét tuyển thẳng) phải thực hiện đăng ký xét tuyển (ĐKXT) trực tuyến, đưa tất cả nguyện vọng xét tuyển (NVXT) vào Trường ĐHĐT trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT (sau đây gọi tắt là Hệ thống tuyển sinh Bộ GDĐT) trực tiếp tại địa chỉ <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> hoặc gián tiếp thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nội dung và thời gian thực hiện theo quy định tại điểm e mục 2 này). Thí sinh cần tìm hiểu kỹ Thông tin tuyển sinh năm 2025, Quy chế tuyển sinh của Trường ĐHĐT, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành đào tạo không đủ điều kiện.

b) Thí sinh khai báo chính xác và chịu trách nhiệm thông tin (các mốc thời gian theo hướng dẫn), bao gồm cả các thông tin để hưởng ưu tiên khu vực, đối tượng ưu tiên (nếu có) tại thời điểm đăng ký dự thi Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2025 (*gửi kèm minh chứng đối tượng ưu tiên nếu có hướng dẫn tại phụ lục IX, Công văn số 2457 /BGDĐT-GDĐH ngày 19 /05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*). Thông tin kê khai phải trung thực và chính xác. Thông tin nơi thường trú của thí sinh ở các giai đoạn sẽ được các cơ quan chức năng kiểm tra và xác thực trên cơ sở dữ liệu về dân cư.

c) Thí sinh ĐKXT theo phương thức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành, trước 17 giờ 00 ngày 30/6/2025, nộp Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển tại Mục I và khoản a điểm 1 Mục II hướng dẫn này. Thí sinh trúng tuyển thẳng sẽ nhận thông tin trúng tuyển từ Trường ĐHĐT trước ngày 15/7/2025 và phải tiếp tục đăng ký NVXT trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GDĐT theo lịch chung.

d) Theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, thí sinh sử dụng tài khoản đã được cấp để rà soát kết quả điểm học tập (học bạ) cấp THPT trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GDĐT và phải phản ánh lại với thầy, cô có trách nhiệm nơi thí sinh học cấp THPT để sửa sai (nếu có) hoàn thành trước 17 giờ 00 ngày 6/6/2025.

đ) Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, trung cấp **(thí sinh tự do)** có nhu cầu ĐKXT nhưng chưa thực hiện việc đăng ký thông tin cá nhân trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GDĐT phải thực hiện việc đăng ký để được cấp tài khoản sử dụng cho việc đăng ký NVXT từ ngày 10/7 đến ngày 20/7/2025, cụ thể như sau:

- Tải mẫu phiếu đăng ký thông tin cá nhân (Phụ lục VI, Công văn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và điền thông tin trên phiếu;

- Nộp phiếu tại điểm tiếp nhận (theo quy định và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo nơi thí sinh thường trú) để nhận thông tin tài khoản và nhập thông tin cá nhân lên Hệ thống tuyển sinh Bộ GDĐT, phục vụ công tác tuyển sinh.

e) Đăng ký nguyện vọng và nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GDĐT:

- Từ ngày 16/7 đến 17 giờ 00 ngày 28/7/2025, thí sinh đăng ký, điều chỉnh, bổ sung NVXT không giới hạn số lần:

- + Thí sinh sử dụng tài khoản đã được cấp để xử lý thông tin (nhập, sửa, xem) thông tin của thí sinh trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GDĐT;

- + Việc đăng ký NVXT đối với các ngành vào Trường ĐHĐT phải thực hiện theo hình thức trực tuyến trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GDĐT hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia (Nội dung hướng dẫn đăng tải tại Hệ thống tuyển sinh Bộ GDĐT hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia);

- + Các nguyện vọng của thí sinh ĐKXT vào Trường ĐHĐT, đăng ký theo ngành và được xếp thứ tự từ 1 đến hết **(nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất, không giới hạn số nguyện vọng đăng ký vào Trường ĐHĐT)**. Hướng dẫn chi tiết các bước đăng ký được đăng tải ngay trên hệ thống tuyển sinh Bộ GDĐT, thí sinh sẽ truy cập vào để đăng ký;

- + Tất cả các NVXT của thí sinh vào Trường ĐHĐT sẽ được xử lý nguyện vọng trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GDĐT và mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển 1 nguyện vọng cao nhất trong số các nguyện vọng đã đăng ký khi bảo đảm điều kiện trúng tuyển.

- Từ ngày 29/7 đến 17 giờ 00 ngày 5/8/2025, Thí sinh phải nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng NVXT bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ GDĐT;

- Các thí sinh thuộc diện hưởng chính sách ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng phải phối hợp với các điểm tiếp nhận rà soát thông tin khu vực (Phụ lục VII, Công văn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và đối tượng ưu tiên của thí sinh (nếu có).

Thí sinh tìm hiểu kỹ tài liệu hướng dẫn và phải thực hiện đúng, đủ, hết quy trình đăng ký xét tuyển; thí sinh chưa rõ các nội dung khai báo, nộp lệ phí xét tuyển, có thể liên hệ với cán bộ tại các điểm tiếp nhận hoặc cán bộ của Trường ĐHĐT hỗ trợ công tác tuyển sinh để được hướng dẫn.

f) Xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GDĐT: Trước 17 giờ 00 ngày 30/8/2025 tất cả thí sinh trúng tuyển (kể cả thí sinh trúng tuyển thẳng) vào Trường ĐHĐT phải xác nhận nhập học trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GDĐT.

g) Từ ngày 01/9/2025 đến tháng 12/2025, thí sinh có nhu cầu xét tuyển các đợt bổ sung vào Trường ĐHĐT, thực hiện theo thông tin tuyển sinh được đăng tải trên trang thông tin tuyển sinh của Trường ĐHĐT (nếu Trường ĐHĐT xét tuyển bổ sung, thí sinh đã trúng tuyển và đã xác nhận nhập học không được xét tuyển bổ sung, trừ các trường hợp được Hiệu trưởng Trường ĐHĐT cho phép không nhập học).

3. Đăng ký thi năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức

a) Các ngành có môn năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển thí sinh phải tham dự kỳ thi năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức để đủ điều kiện tham gia xét tuyển và có kết quả từ 6,0 (theo thang điểm 10) trở lên:

- Ngành Giáo dục Mầm non (CĐ hoặc ĐH): đối với tổ hợp môn M00, M05 ngoài 02 môn thi văn hóa (Toán và Văn, Văn và Sử) ở kỳ thi tốt nghiệp THPT 2025 và/hoặc điểm trung bình môn học bạ lớp 12 và/hoặc điểm thi V-SAT năm 2025, thí sinh phải đăng ký dự thi môn Năng khiếu GDMN.

- Ngành Giáo dục Thể chất và Ngành Huấn luyện Thể thao: đối với các tổ hợp, ngoài 02 môn thi văn hóa (Toán và Sinh học; Toán và Địa lý; Ngữ văn và GD&CD; Ngữ văn và Địa lý; Ngữ văn và Toán; Ngữ văn và Sinh học; Ngữ văn và GDKT&PL) ở kỳ thi tốt nghiệp THPT 2025 và/hoặc điểm trung bình môn học bạ lớp 12 và/hoặc điểm thi V-SAT năm 2025, thí sinh phải đăng ký dự thi môn Năng khiếu TDTT.

- Ngành Sư phạm Âm nhạc: đối với các tổ hợp, ngoài 01 môn thi văn hóa (Toán hoặc Ngữ văn) ở kỳ thi tốt nghiệp THPT 2025 và/hoặc điểm trung bình môn học bạ lớp 12 và/hoặc điểm thi V-SAT năm 2025, thí sinh phải đăng ký dự thi 02 môn Năng khiếu (Năng khiếu Hát và Năng khiếu Thẩm âm-Tiết tấu).

- Ngành Sư phạm Mỹ thuật: đối với các tổ hợp, ngoài 01 môn thi văn hóa (Toán hoặc Ngữ văn) ở kỳ thi tốt nghiệp THPT 2025 và/hoặc điểm trung bình môn học bạ lớp 12 và/hoặc điểm thi V-SAT năm 2025, thí sinh phải đăng ký dự thi 02 môn Năng khiếu (Năng khiếu Trang trí và Năng khiếu Hình họa).

b) Thời gian thi:

- Đợt 1: Thi vào ngày 29-30/6/2025.

- Đợt 2: Thi vào ngày 19-20/7/2025.

Lưu ý: Chi tiết kỳ thi năng khiếu bổ trợ xét tuyển đại học, cao đẳng chính quy năm 2025 xem tại thông báo số 2100/TB-ĐHĐT-HĐTS ngày 15 tháng 04 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHĐT, tại <https://qao.dthu.edu.vn/post/id-1760>

III. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Mọi thông tin chi tiết liên quan việc đăng ký hồ sơ trực tuyến, thí sinh vui lòng liên hệ Phòng Bảo đảm chất lượng - Trường Đại học Đồng Tháp để được giải đáp:

- Địa chỉ: 783 Phạm Hữu Lầu, Phường 6, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp;

- Điện thoại: 0277.3882258 (văn phòng) hoặc 0277.3995599 (Ban tư vấn sinh viên);

- Email: tuyensinh@dthu.edu.vn hoặc dhdtd@dthu.edu.vn

- Facebook: www.facebook.com/dongthapuni

DANH SÁCH CÁC NGÀNH TUYỂN SINH NĂM 2025

Trường Đại học Đồng Tháp tuyển sinh **6.063 chỉ tiêu**. Với **51 ngành** đào tạo trình độ đại học, **01 ngành** cao đẳng Giáo dục mầm non theo phương thức xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển cho **05 phương thức**.

STT	Ký hiệu phương thức	Tên phương thức
1	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025
2	200	Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ)
3	301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT
4	416	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025
5	402	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM

Lưu ý: thứ tự ưu tiên giữa các Phương thức khi xét tuyển được sắp xếp như trên.

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	P.Thức t.sinh	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
1	51140201	Giáo dục Mầm non (CĐ)	100	100; 200; 301; 416; 402	C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL	
					M00	Ngữ văn, Toán, NK GDMN	
					M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK GDMN	
2	7140103	Công nghệ Giáo dục	40	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Ngành mới tuyển năm 2025
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					X27	Toán, Công nghệ công nghiệp, TA	
					X03	Toán, Ngữ văn, Công nghệ CN	
					X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh	
3	7140201	Giáo dục Mầm non	400	100; 200; 301; 416; 402	C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL	
					M00	Ngữ văn, Toán, NK GDMN	
					M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK GDMN	
4	7140202	Giáo dục Tiểu học	700	100; 200; 301; 416; 402	B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
5	7140204	Giáo dục Công dân	60	100; 200; 301; 416; 402	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	P.Thức t.sinh	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
6	7140205	Giáo dục Chính trị	60	100; 200; 301; 416; 402	C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
7	7140206	Giáo dục Thể chất	100	100; 200; 301; 416	T00	Toán, Sinh học, NK TDTT	
					T01	Ngữ văn, Toán, NK TDTT	
					T02	Ngữ văn, Sinh học, NK TDTT	
					T03	Ngữ văn, Địa lí, NK TDTT	
					T05	Ngữ văn, GDCD, NK TDTT	
					T06	Toán, Địa lí, NK TDTT	
					T15	Ngữ văn, GDKT&PL, NK TDTT	
8	7140209	Sư phạm Toán học Có 02 chuyên ngành: - Chương trình đại trà - Chương trình toán tiếng Anh	100	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
9	7140210	Sư phạm Tin học	180	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					X02	Toán, Ngữ văn, Tin học	
					X06	Toán, Vật lí, Tin học	
10	7140211	Sư phạm Vật lý	60	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					X07	Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp	
					X06	Toán, Vật lí, Tin học	
11	7140212	Sư phạm Hóa học	60	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					X11	Toán, Hóa học, Công nghệ công nghiệp	
					X10	Toán, Hóa học, Tin học	
12	7140213	Sư phạm Sinh học	60	100; 200; 301; 416; 402	A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
					X16	Toán, Sinh học, Công nghệ NN	
					X14	Toán, Sinh học, Tin học	
13	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	100; 200; 301; 416; 402	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
					A07	Toán, Lịch sử, Địa lí	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	P.Thức t.sinh	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
14	7140218	Sư phạm Lịch sử	60	100; 200; 301; 416; 402	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
15	7140219	Sư phạm Địa lý	60	100; 200; 301; 416; 402	A07	Toán, Lịch sử, Địa lí	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
16	7140221	Sư phạm Âm nhạc	100	100; 200; 301; 416	N00	Ngữ văn, Hát, Thẩm âm-Tiết tấu	
					N01	Toán, Hát, Thẩm âm-Tiết tấu	
17	7140222	Sư phạm Mỹ thuật	100	100; 200; 301; 416	H00	Ngữ văn, Trang trí, Hình họa	
					H07	Toán, Trang trí, Hình họa	
18	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	300	100; 200; 301; 416; 402	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D13	Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
19	7140234	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	40	100; 200; 301; 416; 402	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Ngành mới tuyển năm 2025
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
					D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung	
					D45	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Trung	
					D65	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Trung	
20	7140246	Sư phạm công nghệ	60	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					X27	Toán, Công nghệ công nghiệp, TA	
					X28	Toán, Công nghệ nông nghiệp, TA	
					X03	Toán, Ngữ văn, Công nghệ CN	
					X04	Toán, Ngữ văn, Công nghệ NN	
					X07	Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp	
21	7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	270	100; 200; 301; 416; 402	X08	Toán, Vật lí, Công nghệ nông nghiệp	
					A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
22	7140249	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	100	100; 200; 301; 416; 402	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					A07	Toán, Lịch sử, Địa lí	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	P.Thức t.sinh	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
23	7220201	Ngôn ngữ Anh Có 03 chuyên ngành: - Biên-phiên dịch - Tiếng Anh kinh doanh - Tiếng Anh du lịch	250	100; 200; 301; 416; 402	D13	Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
24	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc Có 02 chuyên ngành: - Ngôn ngữ Trung Quốc - Ngôn ngữ Trung - Anh	270	100; 200; 301; 416; 402	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
25	7229042	Quản lý văn hóa (Tổ chức sự kiện)	70	100; 200; 301; 416; 402	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
26	7310110	Quản lý kinh tế	40	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Ngành mới tuyển năm 2025
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C14	Ngữ văn, Toán, GD&ĐT	
					X01	Toán, Ngữ văn, GD&ĐT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
27	7310403	Tâm lý học giáo dục	50	100; 200; 301; 416; 402	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
28	7310501	Địa lý học (Địa lý du lịch)	40	100; 200; 301; 416; 402	A07	Toán, Lịch sử, Địa lí	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
29	7310630	Việt Nam học (Hướng dẫn viên du lịch; Quản lý Nhà hàng và Khách sạn)	140	100; 200; 301; 416; 402	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
30	7320104	Truyền thông đa phương tiện	40	100; 200; 301; 416; 402	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Ngành mới tuyển năm 2025
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D66	Ngữ văn, GD&ĐT, Tiếng Anh	
					X78	Ngữ văn, GD&ĐT&PL, Tiếng Anh	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	P.Thức t.sinh	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
31	7340101	Quản trị kinh doanh Có 02 chuyên ngành: - Quản trị kinh doanh - Quản trị Marketing	170	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
32	7340120	Kinh doanh quốc tế	60	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
33	7340201	Tài chính - Ngân hàng Có 02 chuyên ngành: - Tài chính - Ngân hàng - Tài chính doanh nghiệp	130	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
34	7340301	Kế toán Có 02 chuyên ngành: - Kế toán - Kế toán doanh nghiệp	230	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
35	7340403	Quản lý công	73	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
36	7380101	Luật	100	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
37	7420201	Công nghệ sinh học	80	100; 200; 301; 416; 402	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
38	7440301	Khoa học môi trường (Môi trường; An toàn sức khỏe môi trường)	70	100; 200; 301; 416; 402	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
					A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
39	7480101	Khoa học máy tính Có 02 chuyên ngành: - Công nghệ phần mềm; - Mạng máy tính và an ninh	120	100; 200; 301; 416; 402	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					X02	Toán, Ngữ văn, Tin học	
					A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	P.Thức t.sinh	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
40	7480201	Công nghệ thông tin	240	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					X02	Toán, Ngữ văn, Tin học	
41	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	60	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					X27	Toán, Công nghệ công nghiệp, TA	
42	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	60	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Ngành mới tuyển năm 2025
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					X06	Toán, Vật lí, Tin học	
					X07	Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp	
43	7540101	Công nghệ thực phẩm	50	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
44	7580201	Kỹ thuật xây dựng	100	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					X03	Toán, Ngữ văn, Công nghệ CN	
45	7620103	Khoa học đất (Công nghệ phân bón và sản xuất sạch)	40	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Ngành mới tuyển năm 2025
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
46	7620109	Nông học (Bảo vệ thực vật; Trồng trọt; Chăn nuôi thú y và thủy sản)	80	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
47	7620301	Nuôi trồng thủy sản	100	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
48	7640101	Thú y	40	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Ngành mới tuyển năm 2025
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					C08	Ngữ văn, Hóa học, Sinh học	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	P.Thức t.sinh	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
49	7760101	Công tác xã hội	70	100; 200; 301; 416; 402	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
50	7810302	Huấn luyện thể thao	40	100; 200; 301; 416	T00	Toán, Sinh học, NK TĐTT	Ngành mới tuyển năm 2025
					T01	Ngữ văn, Toán, NK TĐTT	
					T02	Ngữ văn, Sinh học, NK TĐTT	
					T03	Ngữ văn, Địa lí, NK TĐTT	
					T05	Ngữ văn, GDCD, NK TĐTT	
					T06	Toán, Địa lí, NK TĐTT	
					T15	Ngữ văn, GDKT&PL, NK TĐTT	
51	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	60	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
52	7850103	Quản lý đất đai	80	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	

Lưu ý:

- Môn năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức.
- Mã phương thức 402 không sử dụng tổ hợp để xét tuyển, chỉ xét điểm của kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG HCM năm 2025.